

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-PT

Ngày 18 – 12 – 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 62/2024/HNGĐ-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 281/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích P, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lý B - Văn phòng L, thuộc đoàn Luật sư tỉnh S. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Bích P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nguyên đơn Trần Thị Bích P trình bày: Chị và anh Huỳnh Văn H tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/4/2014. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 02 con chung là Huỳnh Chí H1 (nam) sinh ngày 27/01/2015 và Huỳnh Chí N (nam) sinh ngày 22/02/2017. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích P yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn H;

- Về con chung: Chị Trần Thị Bích P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Huỳnh Chí H1 (nam) sinh ngày 27/01/2015 và Huỳnh Chí N (nam) sinh ngày 22/02/2017. Chị P không yêu cầu anh Huỳnh Văn H cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn H trình bày: Anh và chị Trần Thị Bích P tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn đúng như chị P trình bày. Trong thời gian sống chung vợ chồng có hai con chung là Huỳnh Chí H1 (nam), sinh ngày 27/01/2015 và Huỳnh Chí N (nam), sinh ngày 22/02/2017. Đối với các yêu cầu của chị P1:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn H đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Bích P.

- Về con chung: Anh Huỳnh Văn H không đồng ý giao hai con cho chị P nuôi. Anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con là Huỳnh Chí H1 (nam), sinh ngày 27/01/2015 và Huỳnh Chí N (nam), sinh ngày 22/02/2017. Anh H không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Huỳnh Văn H khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 62/2024/HNGĐ-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích P với anh Huỳnh Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh Huỳnh Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Chí H1 (nam), sinh ngày 27/01/2015 và cháu Huỳnh Chí N (nam), sinh ngày 22/02/2017 cho đến khi 02 (hai) cháu thành niên, lao động tự nuôi sống được bản thân. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của anh H về việc không

yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh Huỳnh Văn H nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Huỳnh Chí H1 và Huỳnh Chí N, anh H có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; chị P có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 28/8/2024, nguyên đơn chị Trần Thị Bích P kháng cáo một phần bản án số 62/HNGĐ-ST ngày 15/8/2024 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh Huỳnh Văn H giao các con Huỳnh Chí H1, sinh ngày 27/1/2025 và Huỳnh Chí N, sinh ngày 22/2/2017 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Về con chung thì trong thời kỳ hôn nhân, chị P và anh H có 02 (hai) người con là Huỳnh Chí H1 (nam) sinh ngày 27/01/2015 và Huỳnh Chí N (nam) sinh ngày 22/02/2017, do anh H thường xuyên đi làm và ở vuông nuôi Tôm, ít ở nhà nên chị P là người gần gũi con, chăm sóc hai con, chỉ từ khi chị P và anh H ly thân chị không còn ở gần con. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử có thể xem xét giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng một cháu, chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm. Về việc giải quyết vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 62/2024/HNGĐ-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo nguyên đơn đã nộp đơn kháng cáo ngày 28/8/2024 cho Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu qua đường bưu chính là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng quy định

pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo theo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Bích P và anh Huỳnh Văn H tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của chị P và anh H là hợp pháp. Về hôn nhân cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị P và anh H; về tài sản chung, nợ chung Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu; về con chung cấp sơ thẩm tuyên giao con chung là cháu cháu Huỳnh Chí H1 và cháu Huỳnh Chí N cho anh Huỳnh Văn H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, lao động tự nuôi sống được bản thân. Sau khi xét xử sơ thẩm chị Trần Thị Bích P không đồng ý nên kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần con chung.

[3] Xét kháng cáo của chị Trần Thị Bích P xin được trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Chí H1 (nam), sinh ngày 27/01/2015 và cháu Huỳnh Chí N (nam), sinh ngày 22/02/2017. Chị P cho rằng trong thời gian chung sống giữa anh Huỳnh Văn H và chị Trần Thị Bích P có 02 người con chung là cháu Huỳnh Chí H1 và cháu Huỳnh Chí N, từ khi vợ chồng không còn sống chung thì cháu H1 và cháu N do anh Huỳnh Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chị P thì về nhà mẹ ở và đi làm ở thành phố S ít tới lui thăm con, đến khi chị đến thăm các con thì các con không chịu tiếp xúc với chị và không đồng ý theo chị, hiện nay các cháu đang đi học, cháu Hiếu học lớp 4 và cháu N học lớp 2, các cháu phát triển bình thường và khỏe mạnh. Vì vậy, chị có nguyện vọng được nuôi con để vung đắp tình cảm vì chị là người trực tiếp chăm sóc các cháu từ khi mới sinh ra đến khi chị bỏ về nhà mẹ ruột sống. Anh H không đồng ý giao hai con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

[3.1] Xét thấy, theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định sau khi ly hôn “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi con, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con về vật chất lẫn tinh thần. Về nguyên tắc, con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Do hiện nay cả chị P và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con. Vì vậy, xuất phát từ việc đảm bảo quyền lợi của các con khi cha mẹ ly hôn, đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của các cháu nên khi xem xét giao con cho người nào trực tiếp nuôi dưỡng Tòa án phải đánh giá thực tế môi trường, hoàn cảnh, điều kiện nuôi dưỡng con của cha, mẹ.

[3.2] Xét điều kiện, hoàn cảnh, môi trường chăm sóc con chung của chị P và anh H: Từ khi chị P và H không còn chung sống với nhau thì 02 con chung là Huỳnh Chí H1 và Huỳnh Chí N do anh H người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị P cũng thừa nhận ông H có đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc con và từ khi chị về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay thì các cháu sống cùng anh H, các cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần, các con đều có đi học. Còn đối với chị P từ khi về nhà mẹ ruột sinh sống thì chị đi làm công ở Sóc Trăng nên không có thời gian điện thoại cũng như đi thăm các cháu thường xuyên, khi về thăm các cháu thì các cháu không chịu đến gần chị và cũng không đồng ý theo chị. Cháu H1 hiện nay cũng đã 09 tuổi, cháu N đã 07 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về*

người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Cháu N và cháu H1 hiện nay đều trên 07 tuổi, khi cha mẹ ly hôn các cháu cũng trình bày nguyện vọng muốn sống với cha. Xét thấy, về yêu cầu được trực tiếp nuôi con là nguyện vọng chính đáng của cha, mẹ khi ly hôn, về điều kiện nuôi con thì cả anh H và chị P đều có khả năng nuôi con. Tuy nhiên, từ khi anh H và chị P không còn chung sống với nhau thì ông H là người trực tiếp nuôi con, hiện nay các cháu phát triển tốt về tinh thần và thể chất; việc cha mẹ ly hôn cũng đã phần nào ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu vì phải sống xa cha hay xa mẹ và khi chị P về nhà mẹ ruột thì các cháu sống với anh H, các cháu cũng đã thích nghi với việc không sống cùng mẹ, nếu giao các cháu cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng sẽ một lần nữa ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, làm xáo trộn cuộc sống bình thường và việc học hành của các cháu, hơn nữa hiện nay chị P phải đi làm công cả ngày, sáng đi sớm và chiều tối mới về nhà, chưa kể đến thời gian tăng ca, khi đến thăm các cháu thì các cháu cũng không chịu đến gần, cũng như theo chị nên việc cháu một hay hai cháu cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường, tâm lý các cháu nên việc cấp sơ thẩm quyết định giao hai cháu cho anh Huỳnh Văn H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Chị P kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh điều kiện, hoàn cảnh nuôi con của chị tốt hơn anh H, các cháu có nguyện vọng muốn sống với chị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xem xét.

[3.3] Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 62/2024/HNGĐ-ST ngày 15/8/2024, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận như phân tích trên.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận và bản án được giữ nguyên nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị Bích P. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 62/2024/HNGĐ-ST ngày 15/8/2024, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích P với anh Huỳnh Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh Huỳnh Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Chí H1 (nam), sinh ngày 27/01/2015 và cháu Huỳnh Chí N (nam), sinh ngày 22/02/2017 cho đến khi 02 (hai) cháu thành niên, lao động tự nuôi sống được bản thân. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh Huỳnh Văn H nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Huỳnh Chí H1 và Huỳnh Chí N, anh H có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; chị P có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị Trần Thị Bích P và anh Huỳnh Văn H mỗi người phải chịu 50%, cụ thể: chị Trần Thị Bích P chịu là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng chị P được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004841 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu nên chị P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Anh Huỳnh Văn H chịu là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004941 ngày 29/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Vĩnh Châu;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu TGD&NCTN, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy